TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS- ST
Ngày: 24/5/2021
" V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY-TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hải Nam
Bà Trương Thị Xê

-Thư ký phiên Tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2020/TLST-DS ngày 09/12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-DS ngày 27/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B, địa chỉ: Tòa nhà C, 109 T, quận H, thành phố Hà Hội, đại diện theo pháp luật ông Phạm Doãn S, Tổng Giám đốc; đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn C, Giám đốc Chi nhánh Quảng Bình theo Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc; người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Võ Thị Kiều N, chuyên viên hợp đồng tín dụng, địa chỉ: Số 6A T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy ủy quyền số 810/2020/UQ-LV ngày 16/11/2020 của Giám đốc Chi nhánh Quảng Bình; Ngày 13/5/2021, Giám đốc Chi nhánh Quảng Bình thay đổi ủy quyền tham gia tố tụng cho: Ông Lê Vũ H, chuyên viên, địa chỉ: Số 01 T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy ủy quyền số 333/2021/UQ-LV, ông H có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng bà Phan Thị T, sinh năm 1978 và ông Đinh Tiến A, sinh năm 1978, cùng nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Tiến H, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2020, bản tự khai ngày 31/12/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C cũng như người đươc ủy quyền tham gia tố tụng đều trình bày: Ngày 16/10/2018, Ngân hàng TMCP B Chi nhánh Quảng Bình và vợ chồng bà Phan Thị T, ông Đinh Tiến A ký hợp đồng tín dụng số HĐTD 4502018007 ngày 16/10/2018 với tổng số tiền cấp tín dụng cho vợ chồng

bà Phan Thị T và ông Đinh Tiến A 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên 17/10/2018 đến ngày 16/10/2023, lãi suất 8,5%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận nợ. Sau thời gian trên thì áp dụng lãi suất thả nổi và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, mức lãi suất điều chỉnh không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu thông thường của Ngân hàng B tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả hai bên thỏa thuận 10%/năm; mục đích vay: Thanh toán tiền xây dựng, sửa chữa nhà ở của vợ chồng Phan Thị T và Đinh Tiến A. Trả nợ gốc được chia thành 60 kỳ, mỗi kỳ 4.160.000 đồng, kỳ cuối cùng 4.560.000 đồng, trả định kỳ hàng tháng vào ngày mùng 05 của mỗi tháng bắt đầu từ tháng 11/2018; trả lãi vào ngày mùng 05 mỗi tháng theo dư nợ thực tế.

Tài sản bảo đảm khoản vay: Xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA, màu sơn đỏ, 5 chỗ ngồi, biển kiểm soát 73A- 058.23 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008404 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/6/2016 cho ông Đinh Tiến H; toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị đầu tư tăng lên của ô tô đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Tổng giá trị tài sản thế chấp hai bên thỏa thuận xác định 441.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T, ông A mới chỉ thanh toán được số tiền gốc 57.812.468 đồng đến ngày 10/3/2020; tiền lãi 18.671.141 đồng. Sau đó bà T ông A không thực hiện việc thanh toán như cam kết trong hợp đồng mặc dù phía Ngân hàng B đã nhiều lần thông báo, đôn đốc trả nợ nhưng bà T ông A không thực hiện. Đến ngày 14/11/2019, số nợ đã chuyển thành nợ quá hạn. Do đó, để đảm bảo thu hồi nợ, Ngân hàng B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị T, ông Đinh Tiến A phải trả cho Ngân hàng B số tiền vay gốc còn lại 192.187.532 đồng và lãi tính đến ngày xét xử gồm: Lãi trong hạn 28.626.892 đồng, lãi quá hạn 9.819.046 đồng; lãi phạt chậm trả lãi 2.428.929 đồng và tiếp tục chịu lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán kể từ khi xét xử đến khi thi hành xong, theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, đồng thời yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm mà ông H đã thế chấp để bảo đảm thu hồi khoản nợ.

Bị đơn bà Phan Thị T, ông Đinh Tiến A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai cũng như tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tống đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Tiến H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày qua bản tự khai ngày 02/3/2021, ông H thừa nhận ngày 15/10/2018 có ký hợp đồng thế chấp bảo lãnh chiếc xe ô tô MAZDA để bảo đảm khoản vay của bà Phan Thị T và ông Đinh Tiến A số tiền 250.000.000 đồng tại Ngân hàng B như đơn khởi kiện của Ngân hàng B. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bà T ông A gặp khó khăn nên việc trả nợ gốc theo phân kỳ và lãi có chậm thực hiện theo cam kết. Nay ông H đề nghị Ngân hàng và Tòa án cho bà T, ông A trả số nợ lãi và cho tiếp tục thực hiện hợp đồng đến thời hạn cuối cùng trong hợp đồng tín dụng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Phan Thị T, ông Đinh Tiến A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tiến H được Tòa án triệu tập đến tòa lần thứ hai được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn trả đủ nợ gốc, nợ lãi khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp, bảo lãnh của ông Đinh Tiến H để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đối với bị đơn. Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án; các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa cho thấy, vợ chồng bà Phan Thị T và ông Đinh Tiến A đã ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B số HĐTD 45020181007 ngày 16/10/2018 với số tiền gốc vay 250.000.000đồng, thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân 17/10/2018, lãi suất 8,5%/ năm, mục đích vay: Thanh toán tiền xây dựng, sửa chữa nhà ở, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm. Đối chiếu hợp đồng tín dụng và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án với lời khai của phía đại diện nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có căn cứ xác định bà Phan Thị T và ông Đinh Tiến A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/11/2019 với số tiền: 233.062.399 đồng, trong đó, tiền gốc 192.187.532 đồng; lãi trong hạn 28.626.892 đồng, lãi quá hạn 9.819.046 đồng; lãi phạt chậm trả lãi 2.428.929 đồng.Trong quá trình hòa giải, Tòa án cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian để cho vợ chồng bà T ông A và Ngân hàng thỏa thuận tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng bị đơn không hợp tác và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa lần thứ hai được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ, chứng tỏ bị đơn không có thiện chí trả nợ. Do đó, Ngân hàng B yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán cả gốc và lãi đến ngày xét xử và tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày tuyên án cho đến khi thi hành xong khoản tiền gốc là có căn cứ;

Vê tài sản bảo đảm khoản vay: Theo hợp đồng thế chấp số: 171/2018/HĐTC ngày 15/10/2018, được ký kết bởi người có thẩm quyền của Ngân hàng với ông Đinh Tiến H là người thứ ba cam kết bảo lãnh với bên có quyền (Ngân hàng) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (bà T ông A) nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Đây là thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện được thực hiện tại Văn phòng Công chứng Trần Trọng K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản thành phố Đà

Nẵng, đã đảm bảo đúng trình tự quy định, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật có hiệu lực. Căn cứ thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay bà Phan Thị T và ông Đinh Tiến A, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô con, nhãn hiệu MAZDA màu sơn đỏ, 5 chỗ ngồi, biển kiểm soát 73A-058.23 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008404 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/6/2016 mang tên ông Đinh Tiến H để bảo đảm nghĩa vụ trả khoản nợ của bà T ông A là có căn cứ.

Từ những nhân định trên, Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[3].Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng B nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Phan Thị T và ông Đinh Tiến A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[4].Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 292, 317, 318, 320, 335, 342, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

- Buộc bà Phan Thị T và ông Đinh Tiến A phải trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến ngày xét xử 24/5/2021 là: 233.062.399 đồng, trong đó nợ gốc 192.187.532 đồng; lãi trong hạn, 28.626.892 đồng; lãi quá hạn 9.819.046 đồng; lãi phạt chậm trả lãi 2.428.929 đồng. Tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nói trên phải trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

- Tài sản bảo đảm: Xe ô tô con sản xuất năm 2015, nhãn hiệu MAZDA màu sơn đỏ, 5 chỗ ngồi, biển kiểm soát 73A- 058.23 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008404 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/6//2016 cho ông Đinh Tiến H và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 171/2018/HĐTC/CN Quảng Bình ngày 15/10/2018, công chứng tại Phòng Công chứng Trần Trọng K, số 119, đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình là tài sản của bên thứ 3 đứng ra bảo lãnh để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án dân sự của bà Phan Thị T và ông Đinh Tiến A. Ngân hàng TMCP B có trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp, bảo lãnh cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử lý khi có đơn yêu cầu thi hành

án, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (24/5/2021) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HĐTD 45020181007 ngày 16/10/2018 giữa Ngân hàng TMCP B với bà Phan Thị T và ông Đinh Tiến A.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị T và ông Đinh Tiến A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 11.653.119 đồng; trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí 5.777.000 đồng (bà Võ Thị Kiều N đã nộp) theo biên lai số: 0006186 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đại diện nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/5/2021, bị đơn bà Phan Thị T và ông Đinh Tiến A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tiến H được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án tống đạt hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Lưu HS;
- Lưu Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Thị Nhàn